

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH S&H VINA**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH S&H Vina;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 116/GP-UBND ngày 29/3/2016 và số 246/GP-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 16/11/2020 của Công ty TNHH S&H Vina;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1317/TTr-STNMT ngày 07/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH S&H Vina theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 116/GP-UBND ngày 29/3/2016 và Giấy phép số 246/GP-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH S&H Vina;

- Địa chỉ: Thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

- Mã số thuế: 2802185493.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng khai thác nước dưới đất trong khuôn viên Nhà máy may S&H VINA tại thôn Tân Lý, xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chỉ phục vụ nhu cầu ăn uống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất Nhà máy may S&H Vina; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 5.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước dưới đất dùng cho tạo hơi, làm mát);

- $G_2 = 70.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước dưới đất dùng sản xuất phi nông nghiệp).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

* Theo Giấy phép số 116/GP-UBND ngày 29/3/2016:

- Sản lượng dùng cho tạo hơi, làm mát:

$$W_1 = 1.188 \text{ (ngày)} \times 150 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 365/365 \text{ ngày} = 178.200 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho ăn uống, sinh hoạt và hoạt động sản xuất:

$$W_2 = 1.188 \text{ (ngày)} \times 350 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 365/365 \text{ ngày} = 415.800 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 02/12/2020 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 116/GP-UBND);

* Theo Giấy phép số 246/GP-UBND ngày 03/12/2020:

- Sản lượng dùng cho tạo hơi, làm mát:

$$W_3 = 1.825 \text{ (ngày)} \times 150 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 300/365 \text{ ngày} = 225.000 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho ăn uống, sinh hoạt và các hoạt động sản xuất:

$$W_4 = 1.825 \text{ (ngày)} \times 200 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 300/365 \text{ ngày} = 300.000 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính từ ngày 03/12/2020 đến hết ngày 02/12/2025 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 246/GP-UBND).

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 0,2 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho tạo hơi, làm mát);

- $M_2 = 1,5 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

* Theo Giấy phép số 116/GP-UBND ngày 29/3/2016:

- Số tiền phải nộp cho mục đích tạo hơi, làm mát:

$$T_1 = (W_1 \times G_1 \times K \times M_1) = (178.200 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 2.494.800 \text{ đồng};$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt, sản xuất phi nông nghiệp:

$$T_2 = (W_2 \times G_2 \times K \times M_2) = (415.800 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 611.226.000 \text{ đồng};$$

- Tổng số tiền phải nộp theo Giấy phép số 116/GP-UBND ngày 29/3/2016 là:

$$T_{GP116} = T_1 + T_2 = 613.720.800 \text{ đồng}.$$

* Theo Giấy phép số 246/GP-UBND ngày 03/12/2020:

- Số tiền phải nộp cho mục đích tạo hơi, làm mát:

$$T_3 = (W_3 \times G_1 \times K \times M_1) = (225.000 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 3.150.000 \text{ đồng};$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt, sản xuất phi nông nghiệp:

$$T_4 = (W_4 \times G_2 \times K \times M_2) = (300.000 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 441.000.000 \text{ đồng};$$

- Tổng số tiền phải nộp theo Giấy phép số 246/GP-UBND ngày 03/12/2020 là:

$$T_{GP246} = T_3 + T_4 = 444.150.000 \text{ đồng}.$$

* Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$$T = T_{GP116} + T_{GP246} = 1.057.870.800 \text{ đồng}.$$

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

9. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền nộp tính đến hết quý 4/2020 (=2017+2018+2019+2020): 620.778.526 đồng;

- Số tiền nộp hàng Quý tiếp theo: 22.207.500 đồng;

- Số tiền nộp Quý cuối cùng (Quý IV/2025) (tính đến hết ngày 02/12/2025): 15.149.774 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH S&H Vina liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15/12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH S&H Vina về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH S&H Vina; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH S&H Vina có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Công ty phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Thạch Thành; UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH S&H Vina.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Chủ tịch UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành; Tổng giám đốc Công ty TNHH S&H Vina; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN, KTTT.
QD 20.50678

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi